

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 19-3-2024

V/v: *Kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Trác

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Bình

2. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoài Thu -Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST- DS ngày 20/11/2023 về tranh chấp “kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình.

\* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đăng Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

\* Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Bà Á, bà M có mặt; ông Th, anh Đ vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà Phạm Thị Á trình bày:***

Bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đăng Th là hàng xóm, láng giềng với nhau, bà đã nhiều lần cho bà M vay tiền để làm ăn kinh doanh cùng chồng bà M; tính đến ngày 14/5/2020 hai bên đã chốt số tiền bà M, ông Th còn nợ bà số tiền 153.300.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng), từ khi vay nợ đến ngày chốt nợ đều không tính lãi suất và từ ngày chốt nợ đến nay hai

bên đều không tính lãi suất. Trước đó ngày 30/4/2020, bà M cam kết trả bà số tiền 76.600.000 đồng và hẹn đến ngày 30/5/2020 sẽ trả nốt số tiền 76.700.000 đồng.

Tháng 7/2023, bà có lấy của vợ chồng bà M 10 con lợn con với giá tiền là 40.000.000 đồng và trong khoảng thời gian từ đó đến nay bà M có trả bà được số tiền 13.800.000 đồng (từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, bà M đã trả được số tiền 12.000.000 đồng và từ tháng 8/2023 đến tháng 9/2023, bà M đã trả được số tiền 1.800.000 đồng). Tổng số tiền là 53.800.000 đồng.

Số tiền 40.000.000 đồng là bà M đã trả tiền gốc còn số tiền 13.800.000 đồng là tiền do bà M tự nguyện trả tiền lãi vì đã không trả tiền gốc cho bà đúng hẹn.

Số tiền cho bà M, ông Th vay là tiền cá nhân của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 ở Thôn Kh, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình

Bà M vay tiền của bà là vay chung để làm ăn cùng chồng bà M là ông Nguyễn Văn Th. Đến nay vợ chồng bà M, ông Th còn nợ bà số tiền gốc là: 113.300.000 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm nghìn đồng), bà không yêu cầu bà M, ông Th phải trả tiền lãi. Bà yêu cầu bà M, ông Th phải trả tôi số tiền gốc là 113.300.000 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm nghìn đồng).

**\* Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Vợ chồng bà và bà Phạm Thị Á là hàng xóm láng giềng; trong quá trình sinh sống, vợ chồng bà có nhiều lần sang vay tiền của bà Á. Tính đến ngày 14/5/2020, giữa vợ chồng bà và bà Phạm Thị Á có lập văn bản chốt tổng số tiền mà vợ chồng bà còn nợ của bà Á là 153.300.000 đồng; từ ngày hai bên chốt nợ đến nay thì bà Á không tính lãi suất.

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/5/2020 đến nay, vợ chồng bà đã nhiều lần trả nợ cho bà Á, cụ thể:

- Đưa tiền mặt và chuyển khoản nhiều lần cho bà Á và con trai bà Á với tổng số tiền khoảng 30.000.000 đồng

- Tháng 8/2020, vợ chồng bà có bán cho bà Á 08 con lợn (lợn rừng đen) với giá 40.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng bà Á không đưa cho vợ chồng bà, vợ chồng bà nhất trí dùng số tiền này đối trừ vào khoản nợ đã vay của bà Á.

Như vậy, vợ chồng bà chỉ còn nợ của bà Á số tiền 83.300.000 đồng; quan điểm của vợ chồng bà là có vay, có trả, hiện tại do công việc làm ăn của vợ chồng bà không thuận lợi, bị thua lỗ dẫn đến chưa trả nợ ngay được, vợ chồng bà cam kết sẽ trả nợ dần cho bà Á. Bà không có yêu cầu phạt với bà Á.

**\* Trong bản tự khai, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng Th trình bày:**

Vợ chồng tôi và bà Phạm Thị Á là hàng xóm láng giềng, sát cạnh nhà nhau. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng tôi có nhiều lần sang vay tiền của bà Á. Tính đến ngày 14/5/2020, giữa vợ chồng tôi và bà Phạm Thị Á có lập văn bản chốt tổng số tiền mà vợ chồng tôi còn nợ của bà Á là 153.300.000 đồng; từ ngày hai bên chốt nợ đến nay thì bà Á không tính lãi suất.

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/5/2020 đến nay, vợ chồng tôi đã nhiều lần trả nợ cho bà Á, cụ thể:

- Đưa tiền mặt và chuyển khoản nhiều lần cho bà Á và con trai bà Á với tổng số tiền khoảng 30.000.000 đồng

- Tháng 8/2020, vợ chồng tôi có bán cho bà Á 08 con lợn (lợn rừng đen) với giá 40.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng bà Á không đưa cho vợ chồng tôi, vợ chồng tôi nhất trí dùng số tiền này đổi trừ vào khoản nợ đã vay của bà Á.

Như vậy tính đến nay, vợ chồng tôi chỉ còn nợ của bà Á số tiền 83.300.000 đồng; quan điểm của vợ chồng tôi là có vay, có trả, hiện tại do công việc làm ăn của vợ chồng tôi không thuận lợi, bị thua lỗ dẫn đến chưa trả nợ ngay được, vợ chồng tôi cam kết sẽ trả nợ dần cho bà Á. Ông không có yêu cầu độc lập đối với bà Á

Tranh luận: Bà Á, bà M không có tranh luận.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà M, ông Th phải trả cho bà Á số tiền 99.500.000 đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí có giá ngạch theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Phạm Thị Á khởi kiện về tranh chấp kiện đòi tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M; bà M cư trú tại Thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 2 điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] Tại phiên tòa có mặt bà Á, bà M; vắng mặt ông Th; Tòa án xét xử có mặt bà Á, bà M; vắng mặt ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo như giấy biên nhận vay tiền thì không thỏa thuận lãi suất, có ghi thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/5/2020. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm; tính từ ngày 30/5/2020 đến thời điểm bà Á viết đơn khởi kiện lần đầu ngày 08/11/2023 đã quá 03 năm. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi lại tài sản”.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến trình bày của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu các đương sự cung cấp thấy rằng: Ngày 14/5/2020, các đương sự có văn bản chốt các khoản nợ với nhau, cụ thể: Bà M, ông Th có nợ bà Á số tiền 153.300.000 đồng và không tính lãi suất, trong đó có nội dung đến ngày 30/4/2020 (âm lịch) trả cho bà Á số tiền 76.600.000 đồng, đến ngày 30/5/2020 (âm lịch) trả nốt số tiền 76.700.000 đồng; các bên đều thống nhất từ ngày 14/5/2020 đến nay, bà M, ông Th đã trả cho bà Á số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Bà Á trình bày vợ chồng bà M, ông Th trả thêm cho bà số tiền 13.800.000 đồng là tiền lãi, không phải tiền gốc, số tiền này là do bà M tự nguyện trả do không thực hiện đúng cam kết ngày 14/5/2020; bà M, ông Th trình bày đã

trả thêm cho bà Á số tiền gốc là 30.000.000 đồng; xét lời trình bày này của các đương sự thấy rằng: Từ ngày 14/5/2020 đến nay, các bên đều thỏa thuận không tính lãi suất của khoản vay, bà Á cho rằng số tiền lãi 13.800.000 đồng là không phù hợp với thỏa thuận; bà M, ông Th trình bày đã trả thêm được 30.000.000 đồng tiền gốc nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh mặc dù đã nhiều lần cam kết cung cấp cho Tòa án; vì vậy có căn cứ xác định số tiền 13.800.000 đồng bà Á đã nhận từ vợ chồng bà M, ông Th là tiền gốc đã trả cho bà Á. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Á; buộc vợ chồng bà M, ông Th phải trả cho bà Á số tiền gốc là 99.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đăng Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch theo trị giá tài sản tranh chấp là 99.500.000 đồng, cụ thể:  $99.500.000 \times 5/100 = 4.975.000$  đồng. Trả lại bà Á số tiền tạm ứng án phí 3.800.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0003545, ngày 20/11/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 184; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 155; Điều 166; Điều 249; Điều 463; Điều 280 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Á, cụ thể: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đăng Th phải trả cho bà Phạm Thị Á số tiền 99.500.000 đồng (chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đăng Th phải chịu 4.975.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Á số tiền tạm ứng án phí 3.800.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0003545, ngày 20/11/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà.

3. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Bà Á, bà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quang Trác**